

Số: 65/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 74/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Triệu Mùi M, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Căn cước số 002184004152, do Bộ C cấp ngày 15/9/2025.

- *Bị đơn*: Anh Triệu Ý H, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, tỉnh Tuyên Quang. CCCD số 002083005592, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/12/2021.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Mùi M và anh Triệu Ý H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Triệu Mùi M và anh Triệu Ý Hín thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Triệu Mùi M1, sinh ngày 07/11/2002 và cháu Triệu Mùi L, sinh ngày 04/10/2004. Hiện nay cháu M1 và cháu L đã trên 18 tuổi và trưởng thành, nên các đương sự yêu cầu không đề cập đến.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Chị Triệu Mùi M và anh Triệu Ý Hín không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Triệu Mùi M và anh Triệu Ý Hín được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSNDKV5 - Tuyên Quang;
- UBND xã Tân Quang (nơi ĐKKH);
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng THADS Khu vực 5 - Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đàm Thị Tư